

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HS-ST

Ngày: 29-9-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Thẩm phán: Ông Lò Văn Lịch.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Sần Tài Văn.

Bà Hà Thị Thanh Thủy.

Bà Lò Thị Thúy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Tuấn Ngọc, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Kỳ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 66/2020/TLST-HS ngày 10 tháng 9 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 9 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Giàng Thị T (tên gọi khác: Không) sinh ngày 01/01/1967 tại huyện m, tỉnh y. Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện Z, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng Nử T1 (đã chết) và bà Chai Thị S (đã chết); có chồng Mùa Sổng S1 (đã chết) và 05 người con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2003; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo tạm giữ từ ngày 25/5/2020 đến ngày 03/6/2020 bị tạm giam cho đến nay. Có mặt.

2. Giàng Thị P (tên gọi khác: Không) sinh ngày 28/5/1981 tại M, tỉnh Y. Nơi cư trú: Bản P, xã N, huyện Z, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hóa: Không; Dân tộc: Mông; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Giàng Nử C (đã chết) và bà Mùa Thị S1 (đã chết); có chồng là Mùa A L (sinh năm 1980) và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 2002, con nhỏ nhất sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 25/5/2020 đến ngày 03/6/2020 bị tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị T:* Bà Triệu Thị H - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị P:* Bà Lê Thị Thúy A - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Anh Mùa A L, sinh năm 1980. Địa chỉ: Bản P, xã N, huyện Z, tỉnh Điện Biên

- *Người phiên dịch tiếng dân tộc Mông cho các bị cáo:* Ông Sùng A C, sinh năm 2000. Địa chỉ: Tổ X, phường Y, thành phố Đ, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ ngày 25/5/2020, Giàng Thị T đến bãi thả trâu của gia đình ở khu vực mốc 53 biên giới Việt - Lào thuộc bản P, xã N, huyện Z, tỉnh Điện Biên thì gặp một người đàn ông, T không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể, chỉ biết khoảng 30 tuổi là người dân tộc Hà Nhì và đang sống bên Lào. Tại đây, T đã đổi một con trâu có giá trị từ 14 đến 20 triệu đồng của gia đình để lấy 03 gói thuốc phiện và 12 túi Methamphetamine của người đàn ông trên, mục đích mang về bán kiếm lời. Sau khi trao đổi xong, T cho ma túy vào chiếc túi thổ cẩm màu đen mang theo từ trước và nhét túi nilon màu xanh bọc bên ngoài, rồi khoác lên người. Khoảng 30 phút sau, có Hạng Thị C là người cùng bản với T đi bộ đến, rồi cùng nhau đi bộ về. Trên đường về T bị đau chân nên mượn điện thoại của C gọi cho Giàng Thị P là em dâu T đi về khu vực mốc 53 đón T, gọi xong T trả điện thoại cho C để C đi về trước, còn T mang ma túy đi sau, khi T về đến khe suối thuộc bản P thì gặp P điều khiển xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 27S1 - 003.76 đến. Lúc đó, T thấy trên lưng P đang đeo một cháu nhỏ khoảng 01 tuổi, nên bảo P mang túi ma túy này về nhà trước, còn T về sau. P nhất trí, đồng thời cất giấu túi ma túy trong cốp xe máy rồi đi về. Khoảng 18 giờ 05 phút cùng ngày, P về đến trạm kiểm dịch ở khu vực bản Pa, xã N, huyện Z thì bị tổ công tác đồn Biên phòng N phát hiện thu giữ vật chứng là 03 gói thuốc phiện có tổng khối lượng 75,80 gam và 12 túi Methamphetamine có tổng khối lượng là 237,72 gam. Sau khi P đi về được một lúc thì T gặp Mùa A V là người cùng bản với T đang điều khiển xe máy, nên T xin đi nhờ, khi qua trạm kiểm dịch của đồn Biên Phòng N thấy P đang bị giữ, nên T xuống xe quay lại chỗ P đồng thời thừa nhận số ma túy vừa thu giữ là của T, do T nhờ P mang về. Nên tổ công tác đồn Biên phòng N đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và P, đồng thời niêm phong vật chứng.

Tại Bản Kết luận giám định số 471/GĐ-PC09 ngày 03/6/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- 12 (mười hai) mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Giàng Thị T, Giàng Thị P gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- 03 (ba) mẫu chất dẻo màu nâu đen trích ra từ vật chứng thu giữ của Giàng Thị T, Giàng Thị P gửi giám định là chất ma túy: Loại thuốc phiện.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Giàng Thị T, Giàng Thị P gồm: 237,72 gam viên nén màu hồng và 75,80 gam chất dẻo màu nâu đen.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

- Thuốc phiện nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 398, mục IID, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.

Bản cáo trạng số 57/CT-VKS-P1 ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố ra trước Toà án nhân dân tỉnh Điện Biên để xét xử bị cáo Giàng Thị T về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự và bị cáo Giàng Thị P về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251, điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Giàng Thị T 20 năm tù về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Giàng Thị P 20 năm tù về tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 250, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự để xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và bản luận tội của Kiểm sát viên. Thực hiện lời nói sau cùng các bị cáo Giàng Thị T và Giàng Thị P không đề nghị gì đối với Hội đồng xét xử.

Người bào chữa cho các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố các bị cáo và bản luận tội của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến điều kiện sinh sống của các bị cáo: Các bị cáo do hiểu biết pháp luật còn nhiều hạn chế, không được đi học, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, ăn năn hối cải nên Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; riêng bị cáo Giàng Thị T khi thấy Giàng Thị P bị cơ quan chức năng bắt giữ đã tự nguyện xuống xe quay lại chỗ P đồng thời thừa nhận số ma túy vừa

thu giữ là của T nên cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T. Những người bào chữa đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội. Người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại chiếc xe máy cho gia đình bị cáo Giàng Thị P để làm phương tiện đi lại cho gia đình bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Lời khai của các bị cáo Giàng Thị T và Giàng Thị P trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang; Kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định:

Khoảng 12 giờ ngày 25/5/2020, tại khu vực mốc 53 biên giới Việt – Lào thuộc bản P, xã N, huyện Z, tỉnh Điện Biên, Giàng Thị T đã có hành vi trao đổi một con trâu có giá trị từ 14 đến 20 triệu đồng của gia đình để lấy 03 gói thuốc phiện và 12 túi Methamphetamine với một người đàn ông T không biết tên, tuổi địa chỉ, mục đích mang về bán kiếm lời. Sau khi trao đổi xong, T cho ma túy vào chiếc túi thổ cẩm màu đen mang theo từ trước và nhét túi nilon màu xanh bọc bên ngoài, rồi khoác lên người. Trên đường về T mượn điện thoại của một người về cùng đường tên là C ở cùng bản với T, gọi cho Giàng Thị P là em dâu T đi về khu vực mốc 53 đón T, khi T về đến khe suối thuộc bản P thì gặp P điều khiển xe máy hiệu YAMAHA, biển kiểm soát 27S1 - 003.76 đến. T bảo P mang túi ma túy này về nhà trước, còn T về sau. P nhất trí, đồng thời cất dấu túi ma túy trong cốp xe máy rồi đi về. Khoảng 18 giờ 05 phút cùng ngày, P về đến trạm kiểm dịch ở khu vực bản P, xã N, huyện Z thì bị tổ công tác đồn Biên phòng N phát hiện thu giữ vật chứng là 03 gói thuốc phiện có tổng khối lượng 75,80 gam và 12 túi Methamphetamine có tổng khối lượng là 237,72 gam. Khi về qua trạm kiểm dịch của đồn Biên Phòng N, thấy P đang bị giữ, nên T quay lại chỗ P nhận số ma túy vừa thu giữ là của T, do T nhờ P mang về. Nên tổ công tác đồn Biên phòng N đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với T và P, đồng thời niêm phong vật chứng.

Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Giàng Thị T đã phạm vào tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; bị cáo Giàng Thị P đã phạm vào tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*” theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

[2] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Giàng Thị T và Giàng Thị P là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn. Mặt khác, ma túy là nguyên nhân

phát sinh các tệ nạn xã hội và tội phạm khác. Hành vi mua bán, vận trái phép chất ma túy của bị cáo Giàng Thị T và Giàng Thị P là đặc biệt nghiêm trọng. Mục đích mua bán ma túy của bị cáo Giàng Thị T là để bán lẻ kiếm lời, còn mục đích vận chuyển ma túy của Giàng Thị P là giúp đỡ Giàng Thị T mang số ma túy về nhà T.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Đối với bị cáo Giàng Thị T đã có hành vi mua bán trái phép 75,80 gam thuốc phiện và 237,72 gam Methamphetamine, cấu thành tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Giàng Thị P đã có hành vi vận chuyển trái phép 75,80 gam thuốc phiện và 237,72 gam Methamphetamine, cấu thành tình tiết định khung quy định tại điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Do đó, bản cáo trạng 57/CT-VKS-P1 ngày 08/9/2020 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo Giàng Thị T về tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật hình sự; truy tố bị cáo Giàng Thị P về tội *“Vận chuyển trái phép chất ma túy”* theo điểm h khoản 4 Điều 250 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, các bị cáo không oan sai.

Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật, cần chấp nhận.

Đối với đề nghị của những người bào chữa về việc áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với cả 2 bị cáo và áp dụng thêm điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Giàng Thị T để xử phạt các bị cáo ở mức thấp nhất của khung hình phạt, xin miễn hình phạt bổ sung, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo, là có căn cứ chấp nhận. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Giàng Thị P về việc trả lại chiếc xe máy bị cáo Giàng Thị P dùng làm phương tiện để vận chuyển ma túy cho gia đình bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 251 và khoản 5 Điều 250 Bộ luật hình sự năm 2015 thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản”*. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy nghề nghiệp của các bị cáo là làm nông nghiệp, thu nhập không ổn định, không có tài sản riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, thấy rằng:

Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng và chưa bị kết án, chưa bị xử lý vi phạm hành chính. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Giàng Thị T được

áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự do khi biết P bị cơ quan chức năng bắt giữ T đã xuống xe quay lại chỗ P đồng thời thừa nhận với cơ quan chức năng số ma túy vừa thu giữ là của T, do T nhờ P mang về.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp, phù hợp với các quy định của pháp luật.

[6] Về vật chứng vụ án: Theo quy định tại khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, số vật chứng đã thu giữ của các bị cáo cần xử lý như sau:

- Đối với 227,76 gam Methamphetamine và 72,49 gam thuốc phiện thu giữ của Giàng Thị T, Giàng Thị P là những vật chứng của vụ án còn lại sau khi giám định và 01 chiếc túi nilon màu xanh, đã qua sử dụng bị cáo dùng để đựng ma túy, cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động loại bàn phím, hiệu GIONEE L800 màu đen đỏ, có số IMEL: 865552025572813 đã cũ thu giữ của Giàng Thị P, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo P.

- Đối với 01 điện thoại di động loại bàn phím, hiệu GIONEE N130 màu đen đỏ, có số IMEL: 357722000536217 đã cũ và số tiền 965.000 đồng thu giữ của Giàng Thị T, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo T.

- Đối với chiếc xe máy hiệu YAMAHA, loại xe Taurus, màu trắng – đen, số khung: RLCS16S20BY154744, số máy: 16S2-154742, mang BKS 27S1-003.76, đã cũ thu giữ của Giàng Thị P. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, anh Mùa A L và bị cáo P đều khai chiếc xe máy này là tài sản chung của vợ chồng, được mua bằng nguồn tiền chung của gia đình, bị cáo P đã dùng xe này để vận chuyển ma túy, do đó cần tịch thu 1/2 giá trị chiếc xe máy để sung vào ngân sách Nhà nước và trả lại cho anh Mùa A L 1/2 giá trị chiếc xe máy trên.

[7] Về các vấn đề liên quan khác: Đối với người đàn ông đổi ma túy cho T, nhưng T không biết tên, tuổi, địa chỉ cụ thể, chỉ biết là người dân tộc Hà Nhì, sống bên Lào, nên Cơ quan điều tra không có đủ cơ sở để làm rõ. Hội đồng xét xử không xem xét.

Giàng Thị T khai mượn điện thoại của Hạng Thị C để gọi cho Giàng Thị P; Mùa A V là người đã cho T đi nhờ. Quá trình điều tra đã tiến hành xác minh nhưng C và V không có mặt tại nơi cư trú, nên không có đủ cơ sở để làm rõ, Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, nhưng do các bị cáo đang sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định miễn

án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm h khoản 4 Điều 250, điểm h khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

- Bị cáo Giàng Thị T (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

- Bị cáo Giàng Thị P (tên gọi khác: Không) phạm tội “*Vận chuyển trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt:

2.1 Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 251; điểm s, điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Thị T 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (Ngày 25/5/2020).

2.2 Áp dụng điểm h khoản 4 Điều 250; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Giàng Thị P 20 (Hai mươi) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ (Ngày 25/5/2020).

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

*** Tịch thu tiêu hủy:**

- 01 (một) hộp niêm phong dạng hình hộp chữ nhật được dán kín bằng giấy trắng và băng dính trong suốt. Trong đó có chứa 227,76 gam Methamphetamine và 72,49 gam thuốc phiện là vật chứng vụ án còn lại sau khi gửi mẫu giám định.

- 01 Chiếc túi vải thổ cẩm màu đen có dây đeo.

*** Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước:** 1/2 giá trị 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA, loại xe Taurus, màu trắng - đen, số khung: RLCS16S20BY154744, số máy: 16S2 – 154742, mang BKS 27S1- 00376, đã cũ thu giữ của Giàng Thị P.

*** Trả lại cho bị cáo Giàng Thị P:** 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím, hiệu GIONEE L800 màu đen đỏ, có số IMEL: 865552025572813 đã cũ.

*** Trả lại cho bị cáo Giàng Thị T:**

- 01 chiếc điện thoại di động loại bàn phím, hiệu GIONEE N130 màu đen đỏ, có số IMEL: 357722000536217 đã cũ.

- Số tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành 965.000 đồng (Chín trăm sáu mươi năm nghìn đồng) đựng trong 01 (một) gói niêm phong bằng phong bì công văn của Công an huyện N được dán kín.

* *Trả lại cho anh Mùa A L: ½ giá trị 01 chiếc xe máy hiệu YAMAHA, loại xe Taurus, màu trắng - đen, số khung: RLCS16S20BY154744, số máy: 16S2 – 154742, mang BKS 27S1- 00376, đã cũ thu giữ của Giàng Thị P.*

(Theo Biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh Điện Biên và Cục thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 08/9/2020).

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Giàng Thị T, Giàng Thị P.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Áp dụng Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự, các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần phần Bản án hoặc Quyết định có liên quan đến mình lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/9/2020)/.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - TAND tối cao;
- VKSND Cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Công an tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Điện Biên;
- Cục THADS tỉnh Điện Biên;
- Phòng HCTP-Sở Tư pháp;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã N, huyện Z, tỉnh Điện Biên;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Thị Thu Hằng